

XUẤT KHẨU THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG EU THÁNG 8 NĂM 2023

“VẪN GẶP KHÓ

THÁNG 8
2023

Đơn vị thực hiện:

**VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội



024. 22 205 420 - 024. 22 202 245



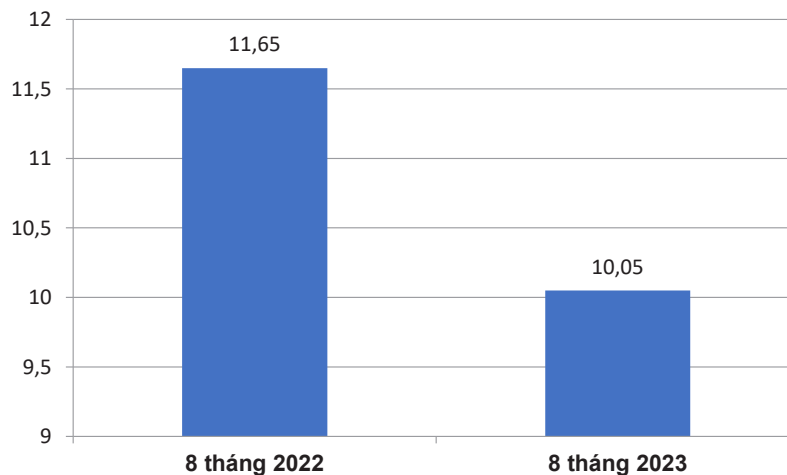
wto_mtpd@moit.gov.vn



<https://fta.gov.vn>

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU trong tháng 8/2023 đạt 92,2 triệu USD, tăng 6,24% so với tháng trước đó nhưng giảm 26,39% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm, Việt Nam xuất khẩu tổng 634,82 triệu USD mặt hàng thủy sản, giảm 32,48% so với cùng kỳ 2022. Với kết quả này, hiện xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU chiếm 10,05% tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam và chiếm 2% tổng kim ngạch hàng hoá của nước ta xuất khẩu sang EU.

Tỷ trọng xuất khẩu thủy sản sang EU trên tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2022 - 2023 (% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Tháng 8/2023, Đức đã vươn lên trở thành đối tác xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong khu vực EU thay vì Hà Lan, với kim ngạch đạt 19,02 triệu USD, tăng 5,55% so với tháng trước đó nhưng giảm 26,23% so với tháng 8/2022. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất khẩu sang Đức tổng 122,15 triệu USD mặt hàng thủy sản, giảm 31,22% so với cùng kỳ 2022, chiếm tỷ trọng 19,24% trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU, cao hơn mức, tỷ trọng 18,89% của cùng kỳ 2022.

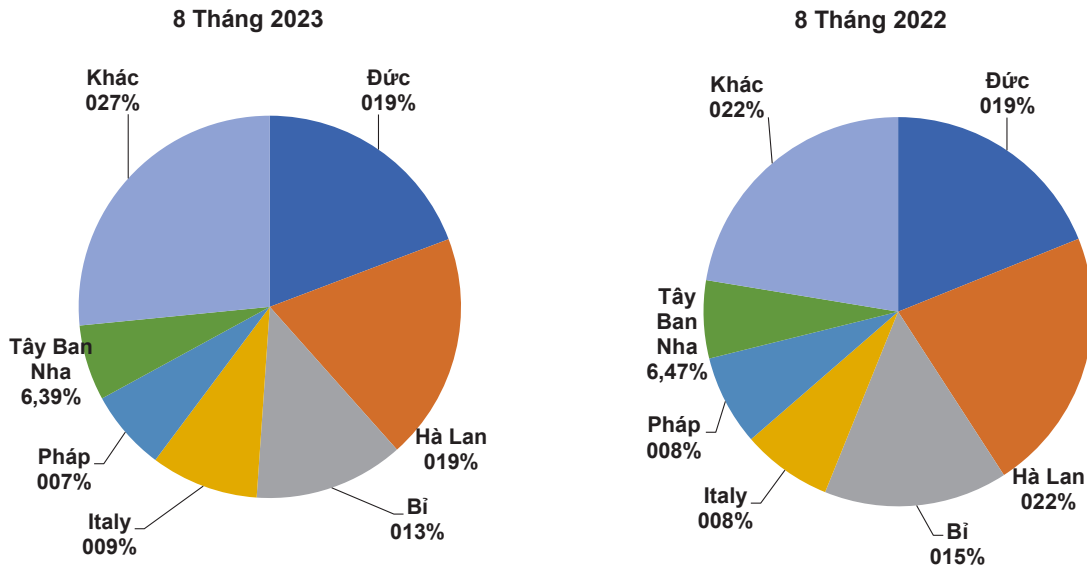
Đức là quốc gia có mức tiêu thụ thủy sản ở mức trung bình trên thế giới, bình quân khoảng gần 14 kg/người/năm. Tuy nhiên, hiện ngày càng có nhiều người dân Đức nhận thấy việc tiêu thụ thủy sản rất có lợi cho sức khỏe và lựa chọn tiêu dùng thủy sản thay thế cho các sản phẩm thịt khác.

Thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023

Thị trường XK	Tháng 8/2022 (Nghìn USD)	So với Tháng 7/2023 (%)	So với Tháng 8/2022 (%)	8 Tháng 2023 (Nghìn USD)	So với 8 Tháng 2022 (%)	Tỷ trọng 8 tháng/2023 (%)	Tỷ trọng 8 Tháng 2022 (%)
Đức	19024,61	5,55	-26,23	122.158,49	-31,22	19,24	18,89
Hà Lan	15733,33	-6,81	-37,03	121752,74	-41,02	19,18	21,96
Bỉ	11308,34	2,90	-39,82	80521,80	-43,92	12,68	15,27
Italy	11901,99	46,59	35,09	57869,55	-17,98	9,12	7,51
Pháp	5447,03	15,96	-39,69	43351,74	-38,54	6,83	7,50
Tây Ban Nha	5770,60	-0,53	-19,70	40544,02	-33,36	6,39	6,47
Ba Lan	3903,75	7,63	-6,35	29047,20	-10,20	4,58	3,44
Đan Mạch	3391,77	-16,61	-59,63	27918,84	-50,78	4,40	6,03
Bồ Đào Nha	2942,06	10,95	-27,08	22551,62	-19,88	3,55	2,99
Lit-va	3719,22	41,55	-30,24	20781,52	-3,38	3,27	2,29
Romania	1627,13	-18,45	-23,19	16648,97	-7,10	2,62	1,91
Thụy Điển	1774,42	-27,51	-5,02	12826,29	-21,37	2,02	1,74
Phần Lan	1129,08	-43,95	387,65	10561,81	380,68	1,66	0,23
Hy Lạp	583,54	-22,35	4,25	5560,98	-16,76	0,88	0,71
Síp	187,43	-22,64	-60,83	3620,04	-31,79	0,57	0,56
Ai Len	1283,10	128,63	-10,41	3401,72	-44,69	0,54	0,65
Croatia	312,40	-18,08	-48,17	3395,53	-25,45	0,53	0,48
Slovenia	406,67	62,14	-47,76	2672,24	-21,15	0,42	0,36
Latvia	194,47	-21,79	-25,72	2480,32	-9,97	0,39	0,29
Hungary	515,67	177,62	1036,15	1983,97	-2,47	0,31	0,22
CH Séc	243,85	66,86	572,22	1883,01	16,17	0,30	0,17
Bulgaria	265,81		423,76	1421,56	-3,09	0,22	0,16
Estonia	437,45	1191,67	57,84	786,37	29,82	0,12	0,06
Malta	104,60			752,86	26,37	0,12	0,06
Áo	96,02	107,69		428,22	47,64	0,07	0,03
Tổng	92.208	6,24	-26,39	634.825	-32,48	100,00	100,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023 (% tính theo trị giá, ĐVT: USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Về cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường EU:

Đứng đầu trong nhóm chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU là tôm (Mã HS 030617) với kim ngạch trong tháng 8/2023 đạt 25,59 triệu USD, tăng 7,1% so với tháng trước đó và giảm 22,76% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng tôm của Việt Nam sang thị trường EU đạt 148,6 triệu USD, giảm 48,57% so với cùng kỳ 2022, chiếm tỷ trọng 23,41% trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của nước ta sang EU, thấp hơn mức tỷ trọng 30,73% của cùng kỳ 2022.

Chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong 8 tháng năm 2023

Mã HS	Tháng 8/2023 (Nghìn USD)	So với Tháng 7/2023 (%)	So với Tháng 8/2022 (%)	8 Tháng 2023 (Nghìn USD)	So với 8 Tháng 2022 (%)	Tỷ trọng 8 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 8 Tháng 2022 (%)
030617	25598,39	7,10	-22,76	148601,53	-48,57	23,41	30,73
030462	12829,42	5,90	-17,87	104862,91	-23,36	16,52	14,55
160529	11784,43	14,29	-51,08	71843,25	-54,29	11,32	16,72
160414	10804,62	52,64	62,38	54795,76	45,37	8,63	4,01
030487	5735,64	-25,13	-16,31	45645,88	-25,98	7,19	6,56
160556	4948,38	0,56	-25,56	37552,21	-31,56	5,92	5,84
160521	7061,03	20,44	-38,42	37474,69	-45,53	5,90	7,32
030743	2592,07	6,88	-64,76	20701,32	-41,49	3,26	3,76
030499	1227,44	9,51	-35,30	8521,20	4,42	1,34	0,87
030471	908,90	111,48	329,18	8477,45	61,25	1,34	0,56
030722	581,49	-32,39	-48,82	6947,12	-27,50	1,09	1,02

Mã HS	Tháng 8/2023 (Nghìn USD)	So với Tháng 7/2023 (%)	So với Tháng 8/2022 (%)	8 Tháng 2023 (Nghìn USD)	So với 8 Tháng 2022 (%)	Tỷ trọng 8 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 8 Tháng 2022 (%)
030489	415,71	-69,44	-71,68	6006,81	-42,54	0,95	1,11
030324	612,47	-28,41	-45,41	5791,18	-33,24	0,91	0,92
160420	419,64	-38,16	-35,60	5777,48	41,76	0,91	0,43
030752	516,89	-30,89	-69,72	5367,11	-36,47	0,85	0,90
030342	2181,51	-25,84	#DIV/0!	5122,97	105,68	0,81	0,26
160419	338,77	-44,91	-69,85	4541,71	0,01	0,72	0,48
160554	618,55	-0,59	-55,80	2998,15	-53,23	0,47	0,68
030559	351,04	-15,51	47,11	2793,76	42,97	0,44	0,21
030323	225,97	-24,43	-46,15	2471,88	-33,25	0,39	0,39
160510	572,63	59,59	-31,47	2312,29	-54,13	0,36	0,54
210390	373,65	31,41	97,08	1844,25	31,17	0,29	0,15
030389	231,83	-5,83	1,62	1679,09	5,07	0,26	0,17
Tổng	92208,32	6,24	-26,39	634825,38	-32,48	100,00	100,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

📌 Thông tin tham khảo

Theo số liệu thống kê từ Trademap, trong tháng 6/2023, thị trường EU tăng nhẹ nhập khẩu mặt hàng thủy sản. Theo đó, trị giá nhập khẩu thủy sản của EU trong tháng 6/2023 đạt 6,41 tỷ USD, giảm 1,28% so với tháng trước đó nhưng tăng 1,71% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm, EU nhập khẩu tổng 36,83 tỷ USD mặt hàng thủy sản, tăng 3,07% so với cùng kỳ năm 2022.

Danh sách các thị trường EU nhập khẩu chính mặt hàng thủy sản trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2023 (Việt Nam đứng thứ 17)

Thị trường	Tháng 6/2023 (Triệu USD)	So với Tháng 5/2023 (%)	So với Tháng 6/2022 (%)	6 Tháng 2023 (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2022 (%)	Tỷ trọng 6 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 6 Tháng 2022 (%)
Na Uy	899,60	8,49	8,73	5152,56	2,25	13,99	14,10
Tây Ban Nha	484,83	0,62	6,23	2664,45	7,04	7,23	6,96
Hà Lan	465,37	-2,66	6,62	2659,21	5,98	7,22	7,02
Đức	409,94	3,77	8,62	2276,84	6,85	6,18	5,96
Thụy Điển	341,86	0,50	5,77	1985,83	5,92	5,39	5,25
Ba Lan	332,66	-2,15	23,85	1951,46	18,34	5,30	4,61

Thị trường	Tháng 6/2023 (Triệu USD)	So với Tháng 5/2023 (%)	So với Tháng 6/2022 (%)	6 Tháng 2023 (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2022 (%)	Tỷ trọng 6 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 6 Tháng 2022 (%)
Đan Mạch	272,72	1,25	4,47	1569,56	1,66	4,26	4,32
Pháp	239,38	12,85	5,34	1208,54	7,26	3,28	3,15
Trung Quốc	168,58	-9,47	-2,36	1127,41	10,31	3,06	2,86
Morocco	133,94	-16,46	5,41	997,12	5,03	2,71	2,66
Anh	165,48	2,30	6,86	885,93	3,05	2,40	2,41
Italy	169,48	2,39	-1,45	874,51	7,72	2,37	2,27
Ecuador	192,29	19,58	-2,88	856,89	-10,10	2,33	2,67
Iceland	119,75	-8,54	-13,01	839,79	-5,35	2,28	2,48
Bỉ	140,43	1,18	7,36	811,18	8,04	2,20	2,10
Ấn Độ	87,11	-12,64	-20,78	546,94	-16,79	1,48	1,84
Việt Nam	75,25	-15,85	-42,99	489,52	-29,86	1,33	1,95
Nga	76,81	-9,55	-26,87	486,19	-3,75	1,32	1,41
Bồ Đào Nha	84,83	-5,23	-6,92	478,52	-0,11	1,30	1,34
Thổ Nhĩ Kỳ	83,89	-11,32	11,68	476,78	11,49	1,29	1,20
Hoa Kỳ	67,95	-13,28	2,56	434,47	-4,91	1,18	1,28
Hy Lạp	83,05	4,76	2,39	421,86	-0,93	1,15	1,19
Lit-va	55,06	-12,21	-13,86	373,09	9,30	1,01	0,96
Đảo Faroe	52,63	-16,88	-18,14	372,50	-3,97	1,01	1,09
Greenland	64,31	-31,88	-5,78	339,34	-5,10	0,92	1,00
Thái Lan	50,97	-13,14	-7,98	331,83	-3,38	0,90	0,96
Áo	62,48	3,67	24,70	319,55	6,93	0,87	0,84
Argentina	37,30	-11,39	-17,87	303,20	-4,53	0,82	0,89
Ireland	52,37	3,67	-8,84	285,89	-10,06	0,78	0,89
Chile	60,16	2,47	12,10	282,82	21,63	0,77	0,65
Tổng	6418,18	-1,28	1,71	36838,73	3,07	100,00	100,00

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Trademap.org

(*) Ghi chú: Trị giá bao gồm mã HS 03 và 16

Trong 6 tháng đầu năm, thủy sản Việt Nam chiếm 1,33% thị phần tại EU. Việt Nam là nguồn cung thủy sản lớn thứ 17 cho EU. Cụ thể, trong tháng 6/2023, EU nhập khẩu từ Việt Nam tổng 75,25 triệu USD mặt hàng thủy sản, giảm 15,85% so với tháng trước đó và giảm 42,99% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm, EU nhập khẩu từ Việt Nam tổng 489,52 triệu USD mặt hàng thủy sản, giảm 29,86% so với cùng kỳ 2022, chiếm tỷ trọng 1,33% trong tổng kim ngạch nhập khẩu thủy sản của toàn EU, thấp hơn mức tỷ trọng là 1,95% của cùng kỳ năm 2022.